

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN CHẤN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v: Không công nhận quan hệ  
vợ chồng và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Công Thắng;  
2. Bà Trần Thanh Thủy.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST - HNGĐ, ngày 15/5/2024 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 12/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số: 137/2024/TB -TA ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Thị D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Giàng A B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Vàng Thị D: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 1- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Y. “Có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Vàng Thị D trình bày: Chị và anh Giàng A B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống tại thôn B, xã S. C sống được khoảng 03 năm thì chị D phát hiện anh B1 nghiện ma túy không chịu tu trí làm ăn, chị D và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có

kết quả. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Vàng Thị D khai có 03 con chung với anh B là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017. Chị D nhận nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh Giàng A B2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Con chung trên 07 tuổi là Giàng Thị C1 và Giàng A S có nguyện vọng được chị Vàng Thị D chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

\* Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Giàng A B không có mặt để giải quyết vụ án.

- Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2024, Công an xã S cung cấp nội dung: anh Giàng A B2, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái, là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện Giàng A B2 vắng mặt tại địa phương.

- Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2024 Trưởng thôn Ba Cầu, xã S cung cấp nội dung: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B L có 03 con chung là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017.

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng A B.

+ Về con chung: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B có 03 con chung là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017. Giao cả ba con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh Giàng A B2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 147;

điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng A B.

+ Về con chung: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B có 03 con chung là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017. Giao cả ba con chung cho chị D nuôi dưỡng. Anh Giàng A B2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã S, huyện V vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Giàng A B vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Giàng A B2.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Vàng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Giàng A B. Anh chị sống chung như vợ chồng từ năm 2007, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nội dung điều luật ghi “Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Chị D và anh B chung sống được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh B2 nghiện ma túy. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B. Chị D và anh B không thực hiện việc đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn sẽ được Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng A B.

[4] *Về con chung*: Chị Vàng Thị D và anh Giàng A B có 03 con chung là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Giàng A B không đến Toà án để trình bày về nguyện vọng nuôi con là cố tình trốn tránh trách nhiệm về con chung, vì vậy việc giao con cho anh B nuôi dưỡng không được đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Do đó cần giao cả ba con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc chị D không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Vàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị D.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng A B.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Giàng Thị C1, sinh ngày 15/9/2008, Giàng A S, sinh ngày 02/8/2010 và Giàng Thị G, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Vàng Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Giàng A B2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Vàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai số AA/2023/0000719 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái; chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Vàng Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Giàng A B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thián dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Đương sự;
- UBND xã Suối Bu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thành Long**